

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hoá học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Tuyết Phương

2. Ngày tháng năm sinh: 20/08/1981; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 131 Lê Lâm, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Tuyết Phương, Khoa Hoá học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, 227 Nguyễn Văn Cừ, P.5, Q.5, TP.HCM.

Điện thoại di động: 0909011274; E-mail: ntphuong@hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2004 đến năm 2006: Chuyên viên, Đoàn trường ĐH KHTN – ĐHQG-HCM

Từ năm 2007 đến năm 2009: trợ giảng, Khoa Hóa học, ĐH KHTN – ĐHQG-HCM

Từ năm 2009 đến năm 2012: nghiên cứu sinh, trợ giảng, ĐH Roskilde – Đan Mạch

Từ năm 2012 đến nay: giảng viên, Khoa Hóa học, ĐH KHTN – ĐHQG-HCM



Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên, Khoa Hóa học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa Hóa học, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM.

Cơ quan công tác hiện nay: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, P.5, Q.5, TP.HCM

Điện thoại cơ quan: 028 38355270

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 29 tháng 03 năm 2004, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa vô cơ

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 08 tháng 12 năm 2007, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa vô cơ

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 09 tháng 10 năm 2012, ngành: Hóa học, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Roskilde, Đan Mạch

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm,

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học – Công nghệ thực phẩm

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- ✓ Độ bền của phức chất Ruthenium trong pin mặt trời chất màu nhạy quang: khảo sát cơ chế của phản ứng phân hủy phức chất với các thành phần khác trong pin, xác định được mối quan hệ giữa quá trình phân hủy phức chất đến hiệu suất hoạt động của pin một cách định lượng, từ đó, tối ưu thành phần chất điện ly trong pin để tăng độ bền nhiệt của phức chất.

- ✓ Biến tính bề mặt điện cực: phát triển phương pháp điện hóa để đánh giá hiệu quả của quá trình biến tính bề mặt điện cực xốp TiO_2 , biến tính bề mặt điện cực TiO_2 trong pin mặt trời chất màu nhạy quang bằng phương pháp hóa học, điện hóa, để tăng hiệu suất hoạt động của pin.
- ✓ Sử dụng vật liệu thân thiện môi trường để chế tạo pin: sử dụng một số dung môi sâu eutectic để làm chất điện giải trong pin mặt trời chất màu nhạy quang.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 02 đề tài NCKH cấp Bộ (cấp ĐHQG TP.HCM và NAFOSTED);
- Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Quốc tế (TWAS);
- Đã công bố 19 bài báo KH, trong đó 15 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Chỉ số $H_{\text{index}} = 8$ (theo Publish or Perish)

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

- [1] **Phuong Tuyet Nguyen**, Rikke Degn, Hoang Thai Nguyen, Torben Lund, Thiocyanate ligand substitution kinetics of the solar cell dye Z-907 by 3-methoxypropionitrile and 4-*tert*-butylpyridine at elevated temperatures, *Solar Energy Materials & Solar Cells* 93 1939–1945 (2009). (SCI, Q1, IF = 3.89, tổng trích dẫn: 89)
- [2] **Phuong Tuyet Nguyen**, Anders Rand Andersen, Eivind Morten Skou, Torben Lund, Dye stability and performances of dye-sensitized solar cells with different nitrogen additives at elevated temperatures – Can sterically hindered pyridines prevent dye degradation? *Solar Energy Materials & Solar Cells* 93 1582-1590 (2010). (SCI, Q1, IF = 4.593, tổng trích dẫn: 60)
- [3] **Phuong Tuyet Nguyen**, Binh Xuan Thi Lam, Anders Rand Andersen, Poul Erik Hansen, Torben Lund, Photovoltaic performance and characteristics of dye sensitized solar cells prepared with the N719 thermal degradation products $[\text{Ru}(\text{L}-\text{H})_2(\text{NCS})(4\text{-tert-butylpyridine})][\text{N}(\text{Bu})_4]$ and $[\text{Ru}(\text{L}-\text{H})_2(\text{NCS})(1\text{-methylbenzimidazole})][\text{N}(\text{Bu})_4]$, *Eur. J. Inorg. Chem.* 2533–2539 (2011). (SCI, Q1, IF = 3.049, tổng trích dẫn: 27)
- [4] Vy Anh Tran, Trieu Thinh Truong, Trang Ngoc Nguyen, Tuan Van Huynh, Antonio Agresti, Sara Pescetelli, Tien Khoa Le, Aldo Di Carlo, Torben Lund, So-Nhu Le, **Phuong Tuyet Nguyen**, Application of Nitrogen-doped TiO_2 nano-tubes in dye-sensitized solar

cells (DSCs), *Applied Surface Science* 399 515-522 (2017). (SCI, Q1, IF = 4.439, tổng trích dẫn: 26).

[5] **Phuong Tuyet Nguyen**, Vinh Son Nguyen, Vy Anh Tran, Thu Anh Pham Phan, Tuan Van Huynh, Torben Lund, Nicotinic acid as a new co-adsorbent in dye-sensitized solar cells, *Applied Surface Science* 392 441-447 (2017) (SCI, Q1, IF = 4.439, tổng trích dẫn: 6).

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- ✓ Kỷ niệm chương « Vì thế hệ trẻ » năm 2004.
- ✓ Huy hiệu « Thành phố Hồ Chí Minh » năm 2015.
- ✓ Danh hiệu «Nhà giáo trẻ tiêu biểu TP.HCM» năm 2008.
- ✓ Danh hiệu «Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở» các năm: 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2013.
- ✓ Danh hiệu «Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG-HCM» năm 2007.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

Dựa theo các nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo được quy định trong Luật giáo dục và luật Khoa học và Công nghệ, tôi tự đánh giá:

- a. Được đào tạo theo hệ chính qui hệ Đại học và sau đại học, công tác và làm việc trong môi trường giáo dục, nghiên cứu (Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM) từ 2004. Có đủ khả năng ngoại ngữ (Anh văn) để thực hiện các công việc liên quan đến giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc chuyên môn.
- b. Nhiệm vụ giảng dạy: đã tham gia và hoàn thành các công tác giảng dạy Đại học và Sau đại học, hướng dẫn sinh viên, học viên cao học thực hiện khóa luận tốt nghiệp, luận văn Thạc sĩ.
- c. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Chủ nhiệm và tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, đã báo cáo các kết quả nghiên cứu khoa học tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế, đã công bố kết quả trên các tạp chí khoa học trong nước và

quốc tế ; đạt giải thưởng Sáng tạo Tp.HCM năm 2019; đạt chỉ số H_{index} hiện nay là 8 (tính theo Publish or Perish).

- d. Các hoạt động chuyên môn khác: Tham gia các hội đồng khoa học chuyên ngành (đào tạo, nghiên cứu khoa học, ...); tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học hàng năm ; phân biện bài báo cho một số tạp chí khoa học trong nước và quốc tế ; tham gia tổ chức hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế.
- e. Thường xuyên học tập và rèn luyện nhằm nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ giáo dục và nghiên cứu khoa học được giao phó.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 14 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014			70	108	52	60	290
2	2014-2015			70	108	97	60	335
3	2015-2016			210	51	164	30	455
3 năm học cuối								
4	2016-2017			46	18	187	30	281
5	2017-2018				76	272	60	408
6	2018-2019				134	237	148	519

Ghi chú: được giảm trừ 25% số giờ chuẩn giai đoạn 2013 – 2017 do kiêm nhiệm phó trưởng khoa Hóa học theo thông tư 47/2014/TT-BGDĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Bảo vệ luận án TS ; Tại nước: Đan Mạch. Năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :



- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ đến ...	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Lễ		x	x		2015-2018	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	2019
2	Phạm Hoàng Tuyên		x	x		2015-2018	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	2019
3	Hồ Hoàng Việt		x	x		2014-2017	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	2018
4	Ngô Thị Hồng Nhung		x	x		2015-2017	Trường ĐH Khoa học Tự nhiên	2017
5	Lê Văn Nhựt Tân		x	x		2013-2014	ĐH Cần Thơ	2015

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1						



6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của chất đồng hấp phụ lên hiệu quả hoạt động của pin mặt trời chất màu nhạy quang (DSC)	CN	C2014-18-10; Cấp Bộ -ĐHQG-HCM	2014 – 2015	14/10/2016
2	Tăng cường độ bền nhiệt của phức chất nhạy quang Ruthenium trong pin mặt trời chất màu nhạy quang (DSC)	CN	104.03-2014.26; Cấp Bộ - NAFOSTED	2015- 2017	31/3/2018
3	TiO ₂ surface modification by electrochemical and chemical methods for improvement of Dye-sensitized Solar Cell (DSC) efficiency	CN	14-176/ RG/ CHE/AS_I; Quốc tế, TWAS	2015 - 2016	09/01/2017

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/số	Trang	Năm công bố
A Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ: 6 công bố khoa học								
A1 Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế: 05 bài báo SCI								
1	Thiocyanate ligand substitution kinetics of the solar cell dye Z-907 by 3-methoxypropionitrile and 4- <i>tert</i> -butylpyridine at elevated temperatures	4	Solar Energy Materials & Solar Cells	SCI, Q1 IF = 3.89 Là tác giả chính	89	93	1939–1945	2009

2	Dye stability and performances of dye-sensitized solar cells with different nitrogen additives at elevated temperatures – Can sterically hindered pyridines prevent dye degradation?	4	Solar Energy Materials & Solar Cells	SCI, Q1 IF = 4.593 Là tác giả chính	60	93	1582-1590	2010
3	Photovoltaic performance and characteristics of dye sensitized solar cells prepared with the N719 thermal degradation products [Ru(L-H) ₂ (NCS)(4-tert-butylpyridine)][N(Bu) ₄] and [Ru(L-H) ₂ (NCS)(1-methylbenzimidazole)][N(Bu) ₄]	5	Eur. J. Inorg. Chem.	SCI, Q1 IF = 3.049 Là tác giả chính	27		2533-2539	2011
4	Charge transport and photocurrent generation characteristics in dye solar cells containing thermally degraded N719 dye molecules	8	J. Phys. Chem. C	SCI, Q1 IF = 4.805	41	115	15598-15606	2011
5	Dye-sensitized solar cells and complexes between pyridines and iodines: A NMR, IR and DFT study	5	Spectrochimica Acta Part A	SCI, Q2 IF = 2.098	9	98	247-251	2012
A2 Bài báo đăng trên tạp chí trong nước: 1 bài báo								
6	Interaction between 4-tert-butylpyridine and the I ₃ ⁻ /I ⁻ redox electrolyte of dye-sensitized solar cell and the effect of these interaction to the stability of dye-sensitizer N719	5	Vietnam Journal of Chemistry			48 (4C)	175-181	2010
B Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ: 13 công bố khoa học								
B1 Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế: 11 bài báo (10 SCI, 1 quốc tế)								
7	The effect of 4-tert-butylpyridine and Li ⁺ on the thermal degradation of TiO ₂ – bound ruthenium dye N719	3	Solar Energy	SCI, Q1 IF = 3.541 Là tác giả chính	6	88	23-30	2013

8	Investigation of the stability of the Ruthenium-based dye (N719) utilizing the polarization properties of dispersive Raman modes and/ or of the fluorescent emission	4	J. Phys. Chem. C	SCI, Q1 IF = 4.835	4	117	23500-23506	2013
9	Thermal stability of the DSC ruthenium dye C106 in robust electrolytes	6	Solar Energy	SCI, Q1 IF = 3.541	12	110	96-104	2014
10	Electrochemical grafting of TiO ₂ -based photo-anodes and its effects in dye-sensitized solar cells	3	Journal of Electroanalytical Chemistry	SCI, Q1 IF = 2.822	12	758	85-92	2015
11	In vitro polarized resonance Raman study of N719 and N719-TBP in Dye-sensitized Solar Cells	4	Journal of Technology Innovations in Renewable Energ	ISSN: 1929-6002	1	5	21-32	2016
12	Nicotinic acid as a new co-adsorbent in dye-sensitized solar cells	9	Applied Surface Science	SCI, Q1 IF = 4.439 Là tác giả chính	6	392	441-447	2017
13	Application of Nitrogen-doped TiO ₂ nano-tubes in dye-sensitized solar cells (DSCs)	12	Applied Surface Science	SCI, Q1 IF = 4.439 Là tác giả chính	26	399	515-522	2017
14	2,2'-bipyridine – A new electrolyte additive in Dye-sensitized Solar Cells	5	Solid State Ionics	SCI, Q1 IF = 2.751 Là tác giả chính	3	314	98-102	2018
15	1-Alkenyl-3-methylimidazolium trifluoromethanesulfonate ionic liquids: novel and low-viscosity ionic liquid electrolytes for dyesensitized solar cells	6	RSC Advances	SCI, Q1 IF = 2.936 Là tác giả chính	1	8	13142-13147	2018
16	4,4'-dinonyl-2,2'-bipyridine as an alternative electrolyte additive for	3	Journal of Physics and Chemistry of	SCI, Q2 IF = 2.207	2	122	234-238	2018

	improving the thermal stability of ruthenium dyes in dye-sensitized solar cells		Solids	Là tác giả chính				
17	Application of deep eutectic solvent from phenol and choline chloride in electrolyte to improve stability performance in dye-sensitized solar cells	7	Journal of Molecular Liquids	SCI, Q1 IF = 4.513 Là tác giả chính	1	277	157-162	2019
B2 Bài báo đăng trên tạp chí trong nước: 2 bài báo								
18	Reduction of graphene oxide by TiO ₂ nanotubes photocatalyst	4	Science & Technology development Journal	ISSN: 1859-0128		18	231-239	2015
19	Dye-sensitized solar cell using deep eutectic solvent mixed with ethanol as an effective electrolyte medium	3	Science & Technology development Journal	ISSN: 1859-0128		21	15-23	2018

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được cấp bằng TS: 10 bài

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				
...				

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Giải thưởng sáng tạo TP.HCM	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	2298/QĐ-UBND, ngày 31/5/2019	01

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: 01

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

- Tham gia phát triển chương trình đào tạo Khoa Hóa học, ĐH KHTN từ 2013 – 2017 thông qua đề án CDIO với vai trò phó ban thường trực;
- Tham gia phát triển chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu của khoa với vai trò thư ký (2013 – 2017), thành viên (2017 – nay) của Hội đồng khoa học Khoa Hóa học, ĐH KHTN;
- Tham gia phát triển chương trình nghiên cứu khoa học cho nhà khoa học trẻ ở các nước đang phát triển với vai trò là thành viên trẻ của tổ chức hàn lâm khoa học thế giới TWAS giai đoạn (2013 – 2017).

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

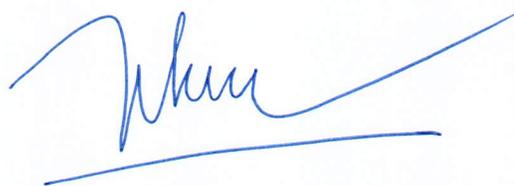
- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS:
- Giờ chuẩn giảng dạy:
- Công trình khoa học đã công bố:
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Hướng dẫn NCS,ThS:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 20 tháng 6 năm 2019

Người đăng ký



Nguyễn Tuyết Phương



D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai.
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HIỆU TRƯỞNG



Trần Linh Thuớc

